

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 165/2019/HNGĐ-ST.

Ngày: 21 - 11 - 2019.

Về việc tranh chấp ly hôn, con chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Đông.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hồng Lâm.

2. Ông Nguyễn Tiến Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

- Đại diện Viện Kiểm sát Nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 21 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 617/2019/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2019 về việc “Tranh chấp ly hôn và con chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 177/2019/QĐXX-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 145/2019/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị Như H - sinh năm 1980 - (có mặt).

Địa chỉ: Số nhà 161 Quốc lộ B, ấp TP, xã TĐ, huyện CT, tỉnh Tây Ninh.

- Bị đơn: Ông Ngô H - sinh năm 1976 - (vắng mặt).

Địa chỉ: 13/8 NVC, phường TL, thành phố BMT, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Thị Như H trình bày có nội dung như sau:

Tôi và ông Ngô H tìm hiểu và tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2004, đến ngày 25 tháng 11 năm 2005 thì chúng tôi đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã TĐ, huyện CT, tỉnh Tây Ninh.

Quá trình chung sống, chúng tôi thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, cãi vã, không thể hòa hợp. Nguyên nhân là do chúng tôi bất đồng quan điểm sống, vợ chồng

không có tiếng nói chung, ông H có tính gia trưởng, thường xuyên có lời lẽ không tôn trọng tôi. Mặc dù tôi đã cố gắng bỏ qua nhưng ông H không thay đổi. Chúng tôi đã sống ly thân từ cuối năm 2018 cho đến nay. Nay nhận thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên tôi xin được ly hôn với ông Ngô H.

- Về con chung: Chúng tôi có hai con chung là cháu Ngô Lê Cát Th - sinh ngày 24/11/2011 và Ngô Gia Ph - sinh ngày 24/12/2005. Tôi có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cả hai con chung cho đến khi các cháu trưởng thành.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chúng tôi tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chúng tôi tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Đối với bị đơn ông Ngô H trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập, niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ nhiều lần theo quy định của pháp luật nhưng ông Ngô H vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, nguyên đơn - bà Lê Thị Như H đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn ly hôn, tuyên xử bà được ly hôn với ông Ngô H,

Về con chung thì theo nguyện vọng của các con, đề nghị Hội đồng giao cháu Ngô Lê Cát Th - sinh ngày 24/11/2011 cho bà Hoa trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Giao cháu Ngô Gia Ph - sinh ngày 24/12/2005 cho ông Ngô H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, không yêu cầu ông H cấp dưỡng. Tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn - bà Lê Thị Như H có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bị đơn ông Ngô H, đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc “Ly hôn và con chung” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về trình tự, thủ tục tố tụng:

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Tòa án đã triệu tập và niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ nhiều lần theo quy định của pháp luật nhưng ông Ngô H vẫn vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa hôm nay, ông Ngô H vắng mặt không có lý do lần thứ hai nên Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tiến hành xét xử vắng mặt ông Ngô H là phù hợp theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

Xét về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Như H và ông Ngô H đi đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TĐ, huyện CT, tỉnh Tây Ninh vào ngày 25/11/2005, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống, do bất đồng quan điểm

sống, tính cách không hợp nhau nên bà Lê Thị Như H và ông Ngô H thường xảy ra mâu thuẫn. Nay bà Lê Thị Như H có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Ngô H.

Kết quả xác minh tại địa phương cho biết: Về quan hệ hôn nhân thì bà Lê Thị Như H và ông Ngô H là vợ chồng, trước đây sống với bố mẹ ông Ngô H tại địa chỉ Tổ dân phố 4, phường Tân Lập, thành phố Buôn Ma Thuột. Thời gian chung sống với nhau bà Hoa và ông H thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, cãi vã xô xát với nhau, hiện nay bà Hòa đã bỏ về quê ở tỉnh Tây Ninh sinh sống. Đối với yêu cầu ly hôn của bà Hoa với ông H, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Xét thấy mâu thuẫn giữa bà Lê Thị Như H và ông Ngô H đã trầm trọng mà không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị Như H là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Bà Lê Thị Như H và ông Ngô H có hai con chung là cháu Ngô Lê Cát Th - sinh ngày 24/11/2011 và Ngô Gia Ph - sinh ngày 24/12/2005. Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu Ngô Gia Ph - sinh ngày 24/12/2005 cho ông Ngô H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Giao cháu Ngô Lê Cát Th - sinh ngày 24/11/2011 cho bà Lê Thị Như H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành là đảm bảo sự phát triển về tâm sinh lý, phát triển về thể chất cho các cháu, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Lê Thị Như H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Lê Thị Như H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về án phí: Bà Lê Thị Như H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 266; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 51, Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện về yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Thị Như H đối với ông Ngô H.

Bà Lê Thị Như H được ly hôn với ông Ngô H.

- Về con chung: Giao cháu Ngô Gia Ph - sinh ngày 24/12/2005 cho ông Ngô H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Giao cháu Ngô Lê Cát Th - sinh

ngày 24/11/2011 cho bà Lê Thị Như H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Ông Ngô H và bà Lê Thị Lê Hoa có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Lê Thị Như H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Lê Thị Như H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Bà Lê Thị Như H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà ông Huỳnh Văn Toàn đã nộp thay bà Lê Thị Như H theo biên lai thu số AA/2019/0002093 ngày 29 tháng 7 năm 2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

